

BÁO CÁO TÓM TẮT

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Xuân Lộc

I. SỰ CẦN THIẾT LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN XUÂN LỘC

Quy hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quan trọng trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai. Quy hoạch nhằm phân bổ và khoanh vùng đất đai theo không gian sử dụng cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu trên cơ sở tiềm năng đất đai và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực đối với từng đơn vị hành chính trong khoảng thời gian xác định.

Theo quy định của Luật Đất đai, Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện là một trong những căn cứ để lập kế hoạch sử dụng đất cấp huyện (khoản 3, Điều 40) để làm căn cứ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất (Khoản 1 Điều 52) đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn và toàn tỉnh. Vì vậy, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện là cơ sở quan trọng để thực hiện công tác quản lý, sử dụng đất của mỗi địa phương và toàn tỉnh.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất năm 2015 huyện Xuân Lộc được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 4262/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 và Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Xuân Lộc được phê duyệt tại Quyết định số 4327/QĐ-UBND ngày 01/12/2017, đây là cơ sở để đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện.

Việc triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn đã cơ bản đáp ứng được mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của huyện; là cơ sở quan trọng trong công tác quản lý và sử dụng đất đai; Cơ cấu sử dụng đất đã có sự chuyển dịch phù hợp với định hướng chung của huyện, đáp ứng được mục tiêu thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Tuy nhiên, Quy hoạch sử dụng đất huyện Xuân Lộc kết thúc vào cuối năm 2020; Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tỉnh Đồng Nai có khung hiệu lực đến hết 2020, hiện đang tiến hành lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chứng năng và theo đơn vị hành chính cấp huyện trong quy hoạch tỉnh cho thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để thay thế cho các bản quy hoạch trước đây để phù hợp với yêu cầu và bối cảnh mới. Vì vậy, cần thiết phải lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Xuân Lộc để phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030 liên quan đến địa bàn huyện Xuân Lộc, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện Xuân Lộc.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/08/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch thì việc lập các quy hoạch theo Luật quy hoạch và các luật, pháp lệnh đã được sửa đổi, bổ sung một số điều có liên quan được lập đồng thời

và quy hoạch nào được lập và thẩm định trước thì được quyết định và phê duyệt trước. Sau khi quy hoạch được quyết định và phê duyệt, nếu có mâu thuẫn thì quy hoạch thấp hơn phải điều chỉnh theo quy hoạch cao hơn.

Như vậy, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Xuân Lộc được lập đồng thời với lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh; Trường hợp phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh được phê duyệt mà có mâu thuẫn thì thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Xuân Lộc cho phù hợp.

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Luật Quy hoạch; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch; Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/08/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường về công tác lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện, UBND huyện Xuân Lộc đã phê duyệt đề cương dự toán kinh phí và triển khai thực hiện lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Xuân Lộc.

Như vậy, nội dung, trình tự Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2300 của huyện đã thực hiện theo đúng quy định của Luật Đất đai và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai năm 2013;
- Luật Quy hoạch năm 2017;
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị quyết số 694/NQ-UBTVQH14 ngày 10/05/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính và thành lập một số đơn vị hành chính đô thị cấp xã thuộc tỉnh Đồng Nai;
- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/08/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 04 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Những cơ sở và tài liệu thực hiện

- Công văn số 1792/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03/4/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Công văn số 3761/UBND-KTN ngày 06/4/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc lập, thẩm định phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện khi quy hoạch tỉnh chưa được phê duyệt;

- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Đồng Nai đã được Chính phủ xét duyệt tại Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 09/8/2017;

- Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 đã được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số 734/QĐ-TTg ngày 27/05/2015;

- Quyết định số 4396/QĐ-UBND, ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Xuân Lộc đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

- Quyết định số 4525/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt Quy hoạch thủy lợi tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, định hướng đến năm 2035;

- Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án huyện Xuân Lộc đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2025;

- Quyết định 3660/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt kết quả rà soát chuyển đổi đất rừng phòng hộ đầu nguồn ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất và kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 – 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 05/06/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định 49/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về bảng giá đất tỉnh đồng nai 5 năm, giai đoạn 2020 – 2024;

- Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 17/03/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 615/QĐ-UBND ngày

03/03/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng chiến lược phát triển đến năm 2030;

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất năm 2015 huyện Xuân Lộc được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 4262/QĐ-UBND ngày 31/12/2014;

- Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Xuân Lộc được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 4327/QĐ-UBND ngày 01/12/2017;

- Danh mục các dự án cần thu hồi đất; danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng hàng năm trên địa bàn huyện Xuân Lộc được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua;

- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện Xuân Lộc được UBND tỉnh phê duyệt và kết quả thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất qua các năm;

- Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Xuân Lộc lần thứ VII nhiệm kỳ 2020-2025;

- Các quy hoạch chi tiết trên địa bàn huyện Xuân Lộc đã được UBND tỉnh phê duyệt và đã được thông qua Hội đồng thẩm định;

- Các văn bản, chủ trương của UBND tỉnh về triển khai các dự án trên địa bàn huyện Xuân Lộc;

- Kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2010, 2014, 2019 trên địa bàn huyện Xuân Lộc;

- Kết quả thống kê đất đai các năm;

- Nhu cầu sử dụng đất của xã, thị trấn, các ngành, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Xuân Lộc;

- Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình về việc lấy ý kiến đóng góp của nhân dân về Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Xuân Lộc;

- Và các văn bản, tài liệu liên quan khác.

III. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN XUÂN LỘC

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo số 11868/TB-UBND ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chuẩn bị triển khai lập kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021- 2025 cấp tỉnh và quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện. Ngày 17/4/2020, UBND huyện Xuân Lộc có Văn bản số 2836/UBND-KT về việc Đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020 huyện Xuân Lộc và đăng ký nhu cầu sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Xuân Lộc, gửi 15 xã, thị trấn và các phòng, ban thuộc huyện.

Ngày 28/04/2020, UBND huyện Xuân Lộc ban hành Quyết định số 2378/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề cương và Dự toán kinh phí lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Xuân Lộc. Trên cơ sở đó, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã hợp đồng với Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai (Đơn vị tư vấn) về việc lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Xuân Lộc.

Từ ngày 05/05/2020 đến ngày 16/06/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì, phối hợp với Đơn vị tư vấn làm việc với các phòng, ban liên quan và UBND các xã, thị trấn để đánh giá tình hình thực hiện, thu thập tài liệu, xác định nhu cầu sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 của từng ngành, lĩnh vực và từng địa phương. Từ ngày 05/8/2020 đến ngày 14/8/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các phòng, ban, UBND các xã, thị trấn để thống nhất kết quả rà soát.

Căn cứ vào các nhu cầu sử dụng đất của các địa phương, các ngành, Đơn vị tư vấn đã rà soát, tổng hợp danh mục nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 và dự thảo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện.

Từ ngày 22/09/2020 đến ngày 22/10/2020 UBND huyện đã tổ chức lấy ý kiến nhân dân bằng hình thức: tổ chức hội nghị, lấy ý kiến trực tiếp tại UBND các xã, thị trấn; niêm yết lấy ý kiến tại trụ sở UBND cấp xã trong 30 ngày; đăng tải hồ sơ lấy ý kiến trên trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện.

Ngày 04/12/2020, UBND huyện có Báo cáo số 554/BC-UBND về việc tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp hồ sơ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Xuân Lộc. Cùng ngày, UBND huyện có Văn bản số 9972/UBND-KT gửi Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị thẩm định hồ sơ Lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Xuân Lộc.

Thực hiện Thông báo Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh số 2955/TB-UBND ngày 23/3/2021 về việc nghe báo cáo tình hình lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ vào các nhu cầu sử dụng đất của các địa phương, các ngành, phòng Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Đơn vị tư vấn rà soát, tổng hợp danh mục nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, cân đối chỉ tiêu hoàn thiện hồ sơ Lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Xuân Lộc.

Như vậy, nội dung, trình tự Lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện đã thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật đất đai và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo Quy hoạch đến năm 2020

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất năm 2015 huyện Xuân Lộc được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số

4262/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 (sau đây gọi tắt là QĐ4262) và Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Xuân Lộc được phê duyệt tại Quyết định số 4327/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 (sau đây gọi tắt là QĐ 4327), đây là cơ sở để đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Xuân Lộc có tổng số 709 công trình, dự án với tổng diện tích là 13.457,72 ha. Trong đó: 176 công trình, dự án đã thực hiện hoàn thành với diện tích 785,43 ha; 160 công trình, dự án đang thực hiện với diện tích 7.729,93 ha; 294 công trình, dự án chưa thực hiện với diện tích 3.581,09 ha và 79 công trình, dự án không chuyển tiếp sẽ điều chỉnh quy hoạch sang mục đích khác.

Các chỉ tiêu trong phương án quy hoạch sử dụng đất kỳ trước được thực hiện theo Thông tư 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014; nhưng hiện nay được thực hiện theo Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường nên có sự điều chỉnh, bổ sung trong nội bộ các nhóm đất. Trong nhóm đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã bổ sung chỉ tiêu các loại đất sau: Đất có di tích lịch sử - văn hóa, đất bãi thải, xử lý chất thải, đất cơ sở tôn giáo, đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng. Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất được đánh giá thông qua bảng sau:

Bảng 1. Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020

Đơn vị: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích được duyệt tại QĐ4327/QĐ-UBND ngày 01/12/2017	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7) = [(5)/(4)]*100
1	Đất nông nghiệp	NNP	57.146,48	58.795,10	1.648,62	102,88
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.025,19	3.351,46	-673,73	83,26
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.393,58</i>	<i>2.183,23</i>	<i>-210,35</i>	<i>91,21</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	5.650,23	4.866,43	-783,80	86,13
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	31.947,47	37.438,30	5.490,83	117,19
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	7.309,12	7.432,81	123,69	101,69
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	3.892,91	4.181,81	288,90	107,42
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	488,86	486,82	-2,04	99,58
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	3.832,70	1.037,47	-2.795,23	27,07
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	15.339,94	13.636,93	-1.703,01	88,90
2.1	Đất quốc phòng	CQP	6.500,21	6.433,49	-66,72	98,97
2.2	Đất an ninh	CAN	804,93	830,00	25,07	103,11
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	308,70	107,74	-200,96	34,90

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích được duyệt tại QĐ4327/QĐ-UBND ngày 01/12/2017	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7) = [(5)/(4)]*100
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	63,15	-	-63,15	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	102,33	49,02	-53,31	47,90
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	643,35	276,72	-366,63	43,01
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	184,76	197,97	13,21	107,15
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.915,74	2.431,55	-484,19	83,39
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	22,19	15,09	-7,10	68,00
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	10,87	7,51	-3,36	69,09
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	105,63	80,26	-25,37	75,98
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT	39,78	14,09	-25,69	35,42
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	39,00	-	-39,00	-
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	72,72	32,71	-40,01	44,98
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	111,87	104,85	-7,02	93,72
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	149,62	113,65	-35,97	75,96
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	17,00	10,08	-6,92	59,29
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	9,43	1,38	-8,05	14,63
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.980,71	1.804,79	-175,92	91,12
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	179,34	139,81	-39,53	77,96
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,72	14,60	-6,12	70,46
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,81	7,95	4,14	208,66
2.15	Đất tín ngưỡng	TIN	3,34	3,00	-0,34	89,82
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	875,02	785,28	-89,74	89,74
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	727,40	543,55	-183,85	74,73
3	Đất chưa sử dụng	CSD	-	-	-	-
4	Đất đô thị*	KDT	1.396,94	1.394,80	-2,14	99,85

Ghi chú: - Cột 4 theo chỉ tiêu QHSDD đến năm 2020 được UBND tỉnh Đồng Nai duyệt tại Quyết định số 4327/QĐ-UBND ngày 01/12/2017;

-Cột 5 theo kết quả thống kê đất đai năm 2020.

1.1. Đất nông nghiệp

Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp được duyệt đến năm 2020 là 57.146,48 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 58.795,10 ha, cao hơn 648,62

ha, đạt tỷ lệ 102,88%, so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân chủ yếu là do tình hình kinh tế trong những năm qua phát triển chậm so với mục tiêu ban đầu, ảnh hưởng đến khả năng huy động và thu hút vốn đầu tư vào các công trình theo kế hoạch đã đề ra, việc chuyển mục sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp phục vụ phát triển cơ sở hạ tầng và các công trình phục vụ phát triển kinh tế, dân sinh triển khai thực hiện còn chậm. Bên cạnh đó do thực hiện điều chỉnh đường địa giới hành chính theo địa vật giữa huyện Xuân Lộc với huyện Định Quán; huyện Đức Linh, Hàm Tân thuộc tỉnh Bình Thuận và huyện Xuyên Mộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

a. Đất trồng lúa: theo chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp đến năm 2020 là 4.025,19 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 đất nông nghiệp có diện tích là 3.350,22 ha, giảm vượt 83,23 % chỉ tiêu quy hoạch.

Trong đó, đất chuyên trồng lúa nước: theo chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp đến năm 2020 là 2.393,58 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 đất nông nghiệp có diện tích là 2.194,44 ha, giảm vượt 91,68 % chỉ tiêu quy hoạch.

Nguyên nhân: diện tích đất trồng lúa giảm vượt so với chỉ tiêu được duyệt do số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 được trích xuất từ bản đồ địa chính đo mới của huyện nên có sai lệch so với số liệu các năm trước. Bên cạnh đó do thực hiện điều chỉnh đường địa giới hành chính theo địa vật giữa huyện Xuân Lộc với huyện Định Quán; huyện Đức Linh, Hàm Tân thuộc tỉnh Bình Thuận và huyện Xuyên Mộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

a) Đất trồng lúa: Theo chỉ quy hoạch sử dụng được duyệt đến năm 2020 có diện tích là 4.025,19 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 3.351,46 ha, thấp hơn 673,73 ha, đạt tỷ lệ 83,26% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Trong đó, đất chuyên trồng lúa nước: Theo chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp đến năm 2020 là 2.393,58 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 có diện tích là 2.183,23 ha, thấp hơn 210,35 ha, đạt tỷ lệ 91,21%, so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Nguyên nhân đất lúa giảm so với quy hoạch chủ yếu là do hộ gia đình, cá nhân chuyển đổi sang nuôi trồng thủy sản hoặc trồng các loại cây khác có hiệu quả kinh tế cao hơn chủ yếu tại các xã Suối Cao, Xuân Bắc, Xuân Thọ, Xuân Phú và các dự án trong quy hoạch sử dụng đất chưa thực hiện phải chuyển tiếp sang kỳ sau.

b) Đất trồng cây hàng năm khác: Theo chỉ tiêu quy hoạch đến được duyệt năm 2020 là 5.650,23 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 4.866,43 ha, thấp hơn 783,80 ha, đạt tỷ lệ 86,13%, so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Nguyên nhân: Diện tích giảm do nhiều khu vực trên địa bàn huyện đã chuyển sang đất cây lâu năm và các công trình phát triển hạ tầng chủ yếu trên địa bàn các xã Xuân Hòa, Xuân Bắc, Xuân Hưng, Xuân Tâm và Xuân Thành.

c) Đất trồng cây lâu năm: Theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 31.947,47 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 37.438,30 ha, cao hơn 5.490,83 ha, đạt tỷ lệ 117,19% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Nguyên nhân: Diện tích đất trồng cây lâu năm cao hơn chỉ tiêu được duyệt do các dự án khu dân cư và các dự án nông nghiệp khác, vùng phát triển chăn nuôi chưa triển khai thực hiện trong kỳ trước.

d) Đất rừng phòng hộ: Theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 7.309,12 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 7.432,81 ha, cao hơn 123,69 ha, đạt tỷ lệ 101,69% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Nguyên nhân: Diện tích đất rừng phòng hộ cao hơn 123,69 ha so với chỉ tiêu được duyệt do tại các khu vực trồng tràm trước đây nay đã được khai thác và chuyển sang trồng các loại cây trồng khác như hàng năm, lâu năm (thống kê lại diện tích đất rừng theo quy hoạch 3 loại rừng).

đ) Đất rừng sản xuất: Theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 có diện tích là 3.892,91 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 4.181,81 ha, cao hơn 288,90 ha, đạt tỷ lệ 107,42% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Nguyên nhân: diện tích rừng sản xuất cao hơn 288,90 ha so với chỉ tiêu được duyệt do tại các khu vực trồng tràm trước đây nay đã được khai thác và chuyển sang trồng các loại cây trồng khác như hàng năm, lâu năm (thống kê lại diện tích đất rừng theo quy hoạch 3 loại rừng).

e) Đất nuôi trồng thủy sản: Theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 có diện tích là 488,86 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 486,82 ha, thấp hơn 2,04 ha, đạt tỷ lệ 99,58% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Nguyên nhân: Diện tích thấp hơn chủ yếu do chuyển đổi sang các loại đất nông nghiệp sản xuất không hiệu quả như: đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm chủ yếu trên địa bàn xã Suối Cao.

g) Đất nông nghiệp khác: Theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 3.832,70 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 1.037,47 ha, thấp hơn 2.795,23 ha, đạt tỷ lệ 27,07 % so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Nguyên nhân diện tích đất nông nghiệp khác thấp hơn 2.795,23 ha so với chỉ tiêu được duyệt chủ yếu do diện tích trang trại chiếm tỷ lệ thấp so với quy mô vùng phát triển chăn nuôi. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Xuân Lộc đã được thực hiện 38/103 dự án đất nông nghiệp khác. Bên cạnh đó còn nhiều các trang trại chăn nuôi ngoài vùng phát triển chăn nuôi và khu nông nghiệp công nghệ cao tại thị trấn Gia Ray và xã Xuân Trường chưa thực hiện theo đúng tiến độ đề ra.

1.2. Đất phi nông nghiệp

a) Đất quốc phòng: Theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 có diện tích là 6.500,21 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 6.433,49 ha, thấp hơn 66,72 ha, đạt tỷ lệ 98,97% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Nguyên nhân kết quả thực hiện thấp hơn 66,72 ha so với chỉ tiêu được duyệt do các dự án có diện tích lớn chưa được triển khai thực hiện trong giai đoạn 2011 – 2020: Căn cứ chiến đấu huyện Xuân Lộc tại xã Xuân Thành, thao trường huấn luyện lực lượng vũ trang tại thị trấn Gia Ray và xã Xuân Tâm, khu vực Phòng thủ Tác Chiến các tuyến đường và nội ô thị trấn huyện Xuân Lộc tại thị trấn Gia Ray.

b) Đất an ninh: Theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 có diện tích 804,93 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 830,00 ha, cao hơn 25,07 ha, đạt tỷ lệ 103,11% ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Nguyên nhân: Kết quả thực hiện cao hơn 25,07 ha với chỉ tiêu được duyệt do cập nhật trại giam Z30D (trại giam Thủ Đức) tại xã Xuân Hòa, mặt khác một số công trình chưa thực hiện như: Trụ sở Công an thị trấn Gia Ray và đồn Công an Khu vực trọng điểm 3 xã Xuân Hòa - Xuân Hưng - Xuân Tâm tại xã Xuân Hưng.

c) Đất khu công nghiệp: Theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 308,70 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 đất khu công nghiệp có diện tích 107,74 ha, thấp hơn 200,96 ha, đạt tỷ lệ 34,90% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Do khu công nghiệp Xuân Lộc chưa thực hiện theo tiến độ đã đề ra và phải chuyển tiếp sang giai đoạn sau năm 2020.

d) Đất cụm công nghiệp: Theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 có diện tích 63,15 ha; đến năm 2020 chưa thực hiện chỉ tiêu đất cụm công nghiệp do cụm công nghiệp Xuân Hưng chưa thực hiện theo tiến độ đã đề ra và phải chuyển tiếp sang giai đoạn sau năm 2020.

đ) Đất thương mại, dịch vụ: Theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 có diện tích 102,33 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 49,02 ha, thấp hơn 53,31 ha, đạt tỷ lệ 47,9% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Nguyên nhân kết quả thực hiện thấp hơn 53,31 so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt do các dự án các dự án chưa thực hiện như khu du lịch sinh thái hồ Gia Ui tại xã Xuân Tâm, khu du lịch Thác Trời tại xã Xuân Bắc.

e) Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 có diện tích 643,35 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 276,72 ha, thấp hơn 366,63 ha, đạt tỷ lệ 43,01% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Nguyên nhân kết quả thực hiện thấp hơn 366,63 ha so với chỉ tiêu được duyệt do một số dự án như phân khu trồng trọt và chế biến thực phẩm (3C) tại xã Xuân Tâm, cụm sản xuất phi nông nghiệp tại các xã Xuân Thành, Xuân Trường, Xuân Hòa; cụm sản xuất phân vi sinh tại xã Xuân Phú chưa triển khai thực hiện.

g) Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 có diện tích 184,76 ha; kết quả thực hiện đến năm

2020 là 197,97 ha, cao hơn 13,21 ha, đạt tỷ lệ 107,15% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Nguyên nhân kết quả thực hiện còn cao hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt một phần do thực hiện Chỉ thị số 02/CT-TTg của Chính phủ về tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản. Theo đó, tạm ngưng cấp phép đối với các hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản chưa có công nghệ hiện đại.

h) Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 2.915,74 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 2.431,55 ha, thấp hơn 484,19 ha, đạt tỷ lệ 83,39% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Nguyên nhân kết quả thực hiện thấp hơn 484,19 ha chỉ tiêu được duyệt do nhiều công trình phát triển hạ tầng dự kiến triển khai trong giai đoạn 2011 - 2020 nhưng chưa thực hiện được phải chuyển sang giai đoạn sau năm 2020. Trong đó:

- **Đất xây dựng cơ sở văn hóa:** Theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 có diện tích 22,19 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 15,09 ha, thấp hơn 7,1 ha, đạt tỷ lệ 68,00% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Nguyên nhân kết quả thực hiện thấp hơn 7,10 ha chỉ tiêu được duyệt do các công trình văn hóa, đài tưởng niệm tại các xã Xuân Thọ, Suối Cao, thị trấn Gia Ray chưa được triển khai thực hiện phải chuyển sang giai đoạn sau năm 2020.

- **Đất xây dựng cơ sở y tế:** Theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 có diện tích là 10,87 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 7,51 ha, thấp hơn 3,36 ha, đạt tỷ lệ 69,09% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Nguyên nhân kết quả thực hiện thấp hơn 3,36 ha chỉ tiêu được duyệt do một số dự án bố trí trong giai đoạn 2010 - 2020 nhưng chưa thực hiện như: Trạm y tế thị trấn, công trình y tế (trong khu 103 ha) tại thị trấn Gia Ray, trạm y tế tại xã Suối Cao, trạm y tế tại xã Lang Minh và công trình y tế tại xã Xuân Bắc.

- **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:** Theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 có diện tích 105,63 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 80,26 ha, thấp hơn 25,37 ha, đạt tỷ lệ 75,98% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Nguyên nhân kết quả thực hiện còn thấp hơn 25,37 ha so với chỉ tiêu được duyệt do một số công trình giáo dục dự kiến thực hiện trong giai đoạn 2011 - 2020 nhưng chưa thực hiện phải chuyển sang giai đoạn sau năm 2020 hoặc không còn nhu cầu như: Trường THCS Xuân Hòa (mở rộng), trường TH Phù Đổng (mở rộng), trường MN Xuân Hiệp (mở rộng phân hiệu Việt Kiều), trường MN Xuân Tâm (PH Suối Đục), trường MN Xuân Trường (PH Trung Sơn) và các nhà công vụ giáo viên tại các xã Suối Cao, Xuân Hiệp, Xuân Thành, Xuân Thọ.

- **Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao:** Theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 có diện tích là 39,78 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 14,09 ha, thấp hơn 25,69 ha, đạt tỷ lệ 35,42% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Nguyên nhân kết quả thực hiện còn thấp hơn 25,69 ha so với chỉ tiêu được duyệt chủ yếu do các sân thể thao, sân bóng, hồ bơi trên địa bàn các xã Xuân Phú, Xuân Trường, Xuân Hòa,... chưa thực hiện và phải chuyển sang giai đoạn sau năm 2020.

- **Đất có di tích lịch sử - văn hóa:** Theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 có diện tích là 39,00 ha; đến năm 2020 chưa thực hiện chỉ tiêu đất có di tích lịch sử - văn hóa.

Nguyên nhân do chưa thực hiện các công trình, dự án và phải chuyển sang giai đoạn sau năm 2020 gồm: khu Di tích lịch sử Danh lam thắng cảnh núi Chứa Chan (Khu vực I) tại xã Xuân Thọ, Xuân Trường, Suối Cát.

- **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** Theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 có diện tích là 72,72 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 32,71 ha, thấp hơn 40,01 ha, đạt tỷ lệ 44,98% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Nguyên nhân kết quả thực hiện thấp hơn 40,01 ha so với chỉ tiêu được duyệt do một số bãi thải, xử lý chất thải dự kiến thực hiện trong giai đoạn 2011 - 2020 nhưng chưa thực hiện phải chuyển sang giai đoạn sau năm 2020.

- **Đất cơ sở tôn giáo:** Theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 có diện tích 111,86 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 104,85 ha, thấp hơn 7,02 ha, đạt tỷ lệ 93,72% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Nguyên nhân kết quả thực hiện thấp hơn 7,02 ha so với chỉ tiêu được duyệt chủ yếu do các công trình tôn giáo chưa triển khai thực hiện: Giáo xứ Phú Xuân tại xã Bảo Hòa, Tu hội Nhập thể tận Hiến tại xã Xuân Định, Tịnh thất Bát Nhã tại xã Xuân Hưng,

- **Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:** Theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 có diện tích là 149,62 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 113,65 ha, thấp hơn 35,97 ha, đạt tỷ lệ 75,96% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Nguyên nhân kết quả thực hiện thấp hơn 35,97 ha so với chỉ tiêu được duyệt chủ yếu do các công trình nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn chưa thực hiện hoặc hủy bỏ: Nghĩa trang Suối Cát (mở rộng), nghĩa trang đôi chắn gió (áp 1 mở rộng) tại xã Xuân Bắc, nghĩa trang Xuân Hòa (mở rộng), nghĩa trang Xuân Hưng (áp 1),

i) Đất sinh hoạt cộng đồng: Theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 có diện tích 17,00 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 10,08 ha, thấp hơn 6,92 ha, đạt tỷ lệ 59,29% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Nguyên nhân kết quả thực hiện thấp hơn 6,92 ha so với chỉ tiêu được duyệt do các công trình chưa triển khai thực hiện: Nhà văn hóa khu phố 1, nhà văn hoá ấp Trung Hưng tại xã Xuân Trường,

k) Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 có diện tích 9,43 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 1,38 ha, thấp hơn 8,05 ha, đạt tỷ lệ 14,63% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Nguyên nhân kết quả thực hiện thấp hơn 8,05 ha so với chỉ tiêu được duyệt chủ yếu do các công trình công viên cây xanh (trong khu dân cư 103 ha), cây xanh cách ly tại thị trấn Gia Ray...chưa được thực hiện.

l) Đất ở tại nông thôn: Theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 có diện tích 1.980,71 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 1.804,79 ha, thấp hơn 175,92 ha, đạt tỷ lệ 91,12% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Nguyên nhân kết quả thực hiện thấp hơn 175,92 ha so với chỉ tiêu được duyệt do các dự án dự án bố trí trong giai đoạn 2011 – 2020 nhưng chưa được triển khai thực hiện và phải chuyển sang giai đoạn sau năm 2020 như: Khu dân cư hai bên đường Bảo Hoà - Long Khánh, khu tái định cư tại Xuân Hòa, khu tái định cư Trường bản, khu tái định cư vùng đệm tại xã Xuân Tâm,

m) Đất ở tại đô thị: Theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 có diện tích 179,34 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 139,81 ha, thấp hơn - 39,53 ha, đạt tỷ lệ 77,96 % so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Nguyên nhân kết quả thực hiện thấp hơn 39,53 do các dự án trên địa bàn thị trấn Gia Ray chưa triển khai thực hiện như hoặc không còn nhu cầu như: khu dân cư cho người thu nhập thấp (khu tái định cư khu phố 2), khu dân cư - tái định cư phục vụ cụm công nghiệp tại thị trấn Gia Ray.

n) Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 có diện tích là 20,72 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 diện tích là 14,60 ha, thấp hơn chỉ tiêu quy hoạch được duyệt 6,12 ha, đạt tỷ lệ 70,46 % so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Nguyên nhân kết quả thực hiện còn thấp hơn 8,24 ha so với chỉ tiêu được duyệt chủ yếu do các công trình chưa triển khai thực hiện: Khu hành chính xã mới (xã Xuân Đà, Đoàn Kết, Trảng Táo, Xuân Nam)....

o) Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 có diện tích là 3,81 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 7,95 ha, cao hơn 4,14 ha, đạt tỷ lệ 208,66% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Nguyên nhân kết quả thực hiện cao hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt do đo đạc, thống kê lại diện tích cho phù hợp với hiện trạng các trụ sở của tổ chức sự nghiệp.

p) Đất cơ sở tín ngưỡng: Theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 có diện tích là 3,34 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 3,00 ha, thấp

hơn 0,34 ha, chỉ tiêu quy hoạch được duyệt, đạt tỷ lệ 88,92 % so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân kết quả thực hiện chưa đạt chỉ tiêu do một số công trình cơ sở tín ngưỡng chưa triển khai thực hiện.

q) Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 có diện tích là 875,02 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 785,28 ha, thấp hơn 89,74 ha, đạt tỷ lệ 89,74% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Nguyên nhân kết quả thực hiện thấp hơn 89,74 ha so với chỉ tiêu được duyệt do thực hiện điều chỉnh đường địa giới hành chính theo địa vật giữa huyện Xuân Lộc với huyện Định Quán; huyện Đức Linh, Hàm Tân thuộc tỉnh Bình Thuận và huyện Xuyên Mộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

r) Đất có mặt nước chuyên dùng: theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 có diện tích là 727,40 ha; kết quả thực hiện đến năm 2020 là 543,55 ha, thấp hơn 183,85 ha, đạt tỷ lệ 74,73% so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

Nguyên nhân kết quả thực hiện thấp hơn 183,85 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt do các hồ Xuân Phú, Gia Ui 2, hồ Đăkrie chưa thực hiện và phải chuyển tiếp sang giai đoạn sau năm 2020

2. Đánh giá chung

2.1. Kết quả đạt được

Trên cơ sở kết quả thực hiện công tác trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện đã đạt được những kết quả nhất định, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với quan điểm phát triển chung của tỉnh và của cả nước. Trong quá trình triển khai thực hiện, cũng có những phát sinh ngoài quy hoạch xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương, những yêu cầu của sự đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội, tác động do tình hình dịch bệnh. Song quá trình sử dụng đất đai của huyện hoàn toàn dựa trên quan điểm sử dụng đất đai tiết kiệm và hiệu quả.

Trong nội bộ đất nông nghiệp đã có sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng tích cực, phù hợp với đặc tính đất đai, thổ nhưỡng và sự biến đổi của khí hậu.

Kết quả thực hiện diện tích đất phi nông nghiệp 88,90% so với chỉ tiêu được duyệt. Một số chỉ tiêu đạt tỷ lệ thực hiện cao như đất quốc phòng (98,97%), đất an ninh (103,11%), đất cơ sở tôn giáo (93,72 %); một số chỉ tiêu có tỷ lệ thực hiện tương đối đạt chỉ tiêu quy hoạch đề ra như đất ở tại nông thôn, đất ở đô thị, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng,... Quá trình thực hiện quy hoạch đã có tác động lớn đến chuyển đổi cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện, các chỉ tiêu quy hoạch đã góp phần nâng cao hệ thống cơ sở hạ tầng, mở rộng sản xuất, phát triển công nghiệp, tăng thu nhập, nâng cao đời sống của nhân dân.

Quy hoạch sử dụng đất là một trong những cơ sở quan trọng trong việc quản lý Nhà nước về đất đai, đã chỉ ra được vị trí, quy mô sử dụng đất cụ thể theo mục đích sử dụng; làm cơ sở cho công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển

mục đích sử dụng đất; tạo điều kiện thu hút đầu tư, đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả.

2.2. Mặt hạn chế

- Việc dự báo nhu cầu sử dụng đất chưa chính xác ảnh hưởng đến việc phân bổ quỹ đất chưa thật sự hợp lý: một số chỉ tiêu dự báo quá cao so với khả năng thực hiện, như đất phát triển hạ tầng, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản, đất mặt nước chuyên dùng nhu cầu đất ở phát sinh; ngược lại, cũng có chỉ tiêu dự báo còn thấp so với nhu cầu thực tế (đất tôn giáo).

- Quy trình thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đã được quan tâm, cải tiến nhiều nhưng vẫn là công việc rất phức tạp, vẫn mất nhiều thời gian nên ảnh hưởng nhiều đến tiến độ thực hiện của toàn dự án.

V. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

Trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất năm 2020, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2010 - 2020, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đến năm 2030 của huyện; quy hoạch của các ngành, lĩnh vực; nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các xã và thị trấn. Đến nay, tổng công trình, dự án trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn huyện là 1.065 dự án với diện tích 14.861,35 ha. Trong đó: chuyển tiếp từ quy hoạch sử dụng đất kỳ trước sang 454 dự án với diện tích 11.311,02 ha và đăng ký bổ sung mới 611 dự án với diện tích 3.550,33 ha. Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Xuân Lộc như sau:

Bảng 03. Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 huyện Xuân Lộc

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020	Quy hoạch đến năm 2030		
				Tổng diện tích (ha)	Tăng (+) giảm (-) so với hiện trạng (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) - (4)	(7)
1	Đất nông nghiệp	NNP	58.795,10	52.640,08	-6.155,02	72,68
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.351,46	2.795,86	-555,60	3,86
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.183,23</i>	<i>1.962,53</i>	<i>-220,70</i>	<i>2,71</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4.866,43	4.039,12	-827,31	5,58
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	37.438,30	30.844,71	-6.593,59	42,58
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	7.432,81	6.487,07	-945,74	8,96
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	4.181,81	4.554,46	372,65	6,29
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>21,10</i>	<i>13,93</i>	<i>-7,17</i>	<i>0,02</i>

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020	Quy hoạch đến năm 2030		
				Tổng diện tích (ha)	Tăng (+) giảm (-) so với hiện trạng (ha)	Cơ cấu (%)
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	486,82	455,40	-31,42	0,63
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	1.037,47	3.463,46	2.425,99	4,78
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	13.636,93	19.791,95	6.155,02	27,32
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	6.433,49	6.627,86	194,37	9,15
2.2	Đất an ninh	CAN	830,00	829,48	-0,52	1,15
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	107,74	955,44	847,70	1,32
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	63,15	63,15	0,09
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	49,02	622,73	573,71	0,86
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	276,72	702,27	425,55	0,97
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	197,97	256,08	58,11	0,35
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.431,55	3.874,63	1.443,08	5,35
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất giao thông	DGT	1.860,14	3022,08	1.161,94	4,17
-	Đất thủy lợi	DTL	141,29	174,07	32,78	0,24
-	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	15,09	21,37	6,28	0,03
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,51	20,59	13,08	0,03
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	80,26	120,96	40,70	0,17
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT	14,09	37,71	23,62	0,05
-	Đất công trình năng lượng	DNL	8,15	40,49	32,34	0,06
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,81	1,73	-0,08	0,00
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	-	39	39,00	0,05
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	32,71	89,4	56,69	0,12
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	104,85	134,61	29,76	0,19
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	113,65	119,76	6,11	0,17
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	0,02	0,02	0,00
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	46,05	46,85	0,80	0,06

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020	Quy hoạch đến năm 2030		
				Tổng diện tích (ha)	Tăng (+) giảm (-) so với hiện trạng (ha)	Cơ cấu (%)
-	Đất chợ	DCH	5,95	5,99	0,04	0,01
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	10,08	14,49	4,41	0,02
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	1,38	27,29	25,91	0,04
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.804,79	3.438,59	1.633,80	4,75
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	139,81	310,18	170,37	0,43
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,60	51,31	36,71	0,07
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	7,95	9,57	1,62	0,01
2.15	Đất tín ngưỡng	TIN	3,00	3,00	-	0,00
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	785,28	752,09	-33,19	1,04
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	543,55	1.253,79	710,24	1,73
3	Đất đô thị	KDT	1.394,80	1.394,80	-	1,93

1. Đất nông nghiệp

Do thực hiện việc xây dựng và phát kinh tế xã hội của địa phương, hệ thống cơ sở hạ tầng, các công trình xây dựng phục vụ mục đích an ninh quốc phòng, công trình sản xuất kinh doanh, các khu thương mại dịch vụ... nên trong kỳ quy hoạch đến năm 2030 diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn huyện dự kiến sẽ giảm. Hiện trạng năm 2020, diện tích đất nông nghiệp là 58.795,10 ha, chiếm 81,17 % diện tích tự nhiên; quy hoạch đến năm 2030 là 52.640,08 ha, chiếm tỷ lệ 72,68% diện tích tự nhiên, giảm 6.155,02 ha so với năm 2020. Đất nông nghiệp giảm do chuyển sang các loại đất phi nông nghiệp gồm: Đất phát triển hạ tầng 1.315,27 ha, đất ở 1.946,32 ha, đất khu công nghiệp 827,09 ha, đất thương mại và dịch vụ 574,94 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 417,95 ha, đất cụm công nghiệp 61,22 ha và các loại đất phi nông còn lại. Bên cạnh đó, trong nội bộ đất nông nghiệp cũng có sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương. Cụ thể:

a) Đất trồng lúa: Hiện trạng năm 2020 là 3.351,46 ha, chiếm 5,7% diện tích nông nghiệp, quy hoạch đến năm 2030 là 2.795,86 ha, chiếm 5,21 % diện tích đất nông nghiệp, giảm 555,60 ha so với năm 2020. Đến năm 2030 đất trồng lúa giảm do đầu tư xây dựng các dự án trọng điểm như: Cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây, đường tỉnh 763, đường tỉnh 765, đường Xuân Hiệp - Lang Minh, đường Bảo Hòa - Long Khánh, các cụm sản xuất phi nông nghiệp và chuyển mục đích tại một số khu vực trồng lúa 01 vụ kém hiệu quả sang các loại khác

như cây lâu năm, đất nông nghiệp khác do thiếu hệ thống tưới, tiêu, sản xuất chủ yếu dựa vào thời tiết.

Đất chuyên trồng lúa nước: Hiện trạng năm 2020 là 2.183,23 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 1.962,53 ha, giảm 220,70 ha so với năm 2020. Diện tích giảm chủ yếu để thực hiện các dự án như: Cụm sản xuất phân vi sinh, khu thương mại dịch vụ tại xã Xuân Phú, đường tỉnh 765, đường tỉnh 763B đường Bình Hòa – Thọ Tân, khu dân cư 2 bên đường Bảo Hòa – Long Khánh

b) Đất trồng cây hàng năm khác: Hiện trạng năm 2020 là 4.866,43 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 4.039,12 ha, chiếm 7,67% diện tích đất nông nghiệp, giảm 827,31 ha so với năm 2020. Đến năm 2030 đất trồng cây hàng năm khác giảm do đầu tư xây dựng các dự án như: Cơ sở chế biến (khu liên hợp Dofico) tại xã Xuân Bắc 19,19 ha, phân khu trồng trọt và chăn nuôi (3B) tại xã Xuân Tâm 41,88 ha, các cụm sản xuất phi nông nghiệp địa phương, các cơ sở xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại các xã Xuân Thành, Xuân Phú, Xuân Hưng, đường cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây và đường Suối Cao - Xuân Bắc, chuyển sang đất ở và chuyển mục đích sang đất trồng cây lâu năm.

c) Đất trồng cây lâu năm: Đến năm 2030 diện tích đất trồng cây lâu năm là 30.844,71 ha, chiếm 58,60 % diện tích đất nông nghiệp, giảm 6.593,59 ha so với năm 2020 để thực hiện xây dựng các công trình, dự án như: Các khu đất lợi thế ven các tuyến đường giao thông trọng điểm (khu đất dự án đường tỉnh 772, đường tỉnh 773, ...), các công trình đường giao thông (cao tốc Phan Thiết – Dầu Giây, đường tỉnh 773, đường Bảo Hòa – Xuân Hòa), khu Dofico (phân khu 3D), quy hoạch đất nông nghiệp khác, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn các xã Xuân Phú, Xuân Trường. Mặt khác đất trồng cây lâu năm tăng do chuyển mục đích tại các khu vực trồng lúa, các loại cây hàng năm kém hiệu quả, đất rừng sản xuất (ngoài ranh quy hoạch 3 loại rừng).

d) Đất rừng phòng hộ: Hiện trạng năm 2020 là 7.432,81 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 6.487,07 ha, giảm 945,74 ha so với năm 2020, trong đó: giảm 284,19 ha để thực hiện các dự án như: Đường quanh núi Chứa Chan, đường Xuân Hưng - Xuân Tâm, cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây, đường Xuân Thành - Xuân Hòa, các khu di tích và khu thương mại dịch vụ trong quy hoạch tổng thể, bảo quản, tu bổ, phục hồi và tôn tạo di tích danh lam thắng cảnh quốc gia núi Chứa Chan, khu hành chính xã mới (xã Trảng Táo), Hồ Núi Hók tại xã Xuân Tâm, Xuân Trường, ... và chuyển đổi từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất theo phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 với diện tích 661,55 ha trên địa bàn 3 xã: Xuân Tâm, Xuân Hưng và Xuân Hòa.

đ) Đất rừng sản xuất: Hiện trạng năm 2020 là 4.181,81 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 4.554,46 ha, chiếm 8,65% diện tích đất nông nghiệp, tăng 372,65 ha so với năm 2020. Trong đó:

- Tăng 661,55 ha do nhận từ đất rừng phòng hộ;
- Diện tích giảm 288,90 ha để thực các công trình, dự án như : Đường Tân Hữu - Trảng Táo, đường Xuân Thành - Trảng Táo, đường Xuân Thành - Xuân

Hòa (mở mới), hồ Da Kon Hoi và các công trình, chuyển mục đích từ rừng sản xuất sang đất trồng cây lâu năm.

e) Đất nuôi trồng thủy sản: Hiện trạng năm 2020 là 486,82 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 455,40 ha, chiếm 0,87% diện tích đất nông nghiệp, giảm 31,42 ha so với năm 2020. Phần lớn do chuyển sang đất phi nông nghiệp sản xuất kinh doanh tại xã Xuân Hưng, các công trình phát triển hạ tầng, hồ chứa nước tại xã Xuân Thành.

g) Đất nông nghiệp khác: Hiện trạng năm 2020 là 1.037,47 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 3.463,46 ha, chiếm 6,58% diện tích đất nông nghiệp, tăng 2.425,99 ha so với năm 2020. Đến năm 2030 sẽ tiếp tục đẩy mạnh phát triển các khu chăn nuôi theo mô hình trang trại tập trung công nghiệp, đảm bảo nguồn thức ăn, quản lý tốt dịch bệnh, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm tại các vùng quy hoạch đất nông nghiệp khác.

2. Đất phi nông nghiệp

Đến năm 2030 tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng làm nền tảng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện, thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế, nâng cao đời sống cho người dân. Tập trung phát triển sản xuất công nghiệp, các khu du lịch, ưu tiên thu hút đầu tư theo danh mục dự án các ngành ưu tiên.

Hiện trạng sử dụng đất năm 2020, diện tích đất phi nông nghiệp là 13.636,93 ha chiếm 18,83% diện tích tự nhiên; quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 19.791,95ha, chiếm 27,32% diện tích tự nhiên, tăng 6.155,02 ha so với năm 2020.

a) Đất quốc phòng

Hiện trạng năm 2020 là 6.433,49 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 6.627,86 ha, chiếm 33,49% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 194,37 ha so với năm 2020, do tiếp tục xây dựng, củng cố các khu vực phòng thủ vững chắc, thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác quân sự của địa phương.

b) Đất an ninh:

Hiện trạng năm 2020 là 830,00 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 829,48 ha, giảm 0,52 ha so với năm 2020. Đến năm 2030 các công trình quy hoạch kỳ trước được duyệt nhưng chưa thực hiện sẽ tiếp tục chuyển tiếp thực hiện như: trụ sở Cảnh sát PCCC huyện Xuân Lộc, trụ sở Công an thị trấn Gia Ray; Diện tích đất an ninh giảm do thực hiện các công trình đường giao thông: đường Xuân Hưng- Xuân Tâm, Đường Huỳnh Văn Nghệ tại thị trấn Gia Ray, đường Xuân Tâm - Trảng Táo.

c) Đất khu công nghiệp:

Hiện trạng năm 2020 là 107,74 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 955,44 ha, chiếm 4,83% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 847,70 ha so với năm 2020. Diện tích tăng để tiếp tục thực hiện Khu công nghiệp Xuân Lộc mở rộng 160,25 ha và bổ sung khu công nghiệp tại xã Xuân Tâm và xã Xuân Hưng với diện tích 687,45 ha do vị trí này có lợi thế về giao thông (gần nút giao thông giữa đường

cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây và Quốc lộ 1) thuận lợi trong việc vận chuyển, lưu thông hàng hóa đi các tỉnh và TP. Hồ Chí Minh. Khu công nghiệp Xuân Lộc mở rộng tại xã Xuân Hiệp diện tích 40,22 ha điều chỉnh thành đất ở do vị trí nằm trong khu vực đông dân cư, gần vị trí trung tâm thị trấn Gia Ray.

d. Đất cụm công nghiệp

Đến năm 2030 sẽ tiếp tục chuyển tiếp cụm công nghiệp Xuân Hưng với tổng diện tích 63,15 ha.

Diện tích tăng 63,15 ha được sử dụng từ đất: đất trồng cây lâu năm 60,10 ha; đất nuôi trồng thủy sản 1,12 ha; và các loại đất phi nông nghiệp còn lại 1,93 ha.

e) Đất thương mại dịch vụ

Hiện trạng năm 2020 là 49,02 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 622,73 ha, chiếm 3,15% đất phi nông nghiệp, tăng 573,71 ha so với năm 2020 do quy hoạch các công trình như khu du lịch sinh thái hồ Gia Ui, khu du lịch sinh thái Gia Lào, các khu thương mại dịch vụ du lịch sinh thái nhà vườn quanh hồ Gia Mãng tại xã Xuân Hiệp, Xuân Tâm và khu thương mại dịch vụ kết nối đường cao tốc với diện tích 95 ha tại xã Xuân Tâm. Diện tích tăng chủ yếu để quy hoạch các dự án phục vụ phát triển du lịch đáp ứng tiềm năng phát triển du lịch của huyện.

g) Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Hiện trạng năm 2020 là 276,72 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 702,27 ha, chiếm 3,55 % diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 425,55 ha so với năm 2020. Diện tích tăng chủ yếu do chuyển tiếp các công trình quy hoạch được duyệt như: cụm sản xuất phi nông nghiệp tại các xã Xuân Phú, Xuân Thành, Xuân Trường, Xuân Thọ

h) Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm

Hiện trạng năm 2020 là 197,97 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 256,08 ha, tăng 58,11 ha so với năm 2020, chiếm 1,29 % diện tích đất phi nông nghiệp (*Chi tiết tại Biểu 10/CH*). Diện tích tăng 66,98 ha do nhận từ đất trồng cây lâu năm 64,22 ha, đất nông nghiệp khác 1,99 ha; trong nội bộ đất phi nông nghiệp 0,77 ha.

i) Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã

Hiện trạng năm 2020 là 2.431,55 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 3.874,63 ha, tăng 1.443,08 ha so với năm 2020, chiếm 19,58 % đất phi nông nghiệp. Diện tích tăng 1.463,18 ha do nhận từ đất trồng lúa 68,33 ha, đất trồng cây hàng năm khác 84,35 ha, đất trồng cây lâu năm 964,15 ha, đất rừng phòng hộ 120,86 ha, đất rừng sản xuất 61,33 ha, đất nuôi trồng thủy sản 7,31 ha, đất nông nghiệp khác 8,94 ha; trong nội bộ đất phi nông nghiệp 147,91 ha (trong đó, phần lớn là đất ở 127,54 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 5,05 ha).

- Đất giao thông

Hiện trạng năm 2020 là 1.860,14 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 3.022,08 ha, chiếm 78% đất phát triển hạ tầng, tăng 1.161,94 ha so với năm 2020. Diện tích tăng do chuyển tiếp các dự án trong quy hoạch được duyệt và bổ sung các đường giao thông: Đường sắt tốc cao tốc Tp. Hồ Chí Minh – Nha Trang, cáo tốc Dầu Giây –Liên Khương – Đà Lạt, các tuyến đường tỉnh (đường tỉnh 772 Trảng Bom – Xuân Lộc, đường tỉnh 773 Long Thành – Cẩm Mỹ - Xuân lộc, đường tỉnh 763B, đường tỉnh 763, ...), các tuyến đường huyện (đường quanh núi Chứa Chan, đường Bảo Hòa – Xuân Hòa, ...) các tuyến đường đô thị và đường cấp xã.

- Đất thủy lợi

Hiện trạng năm 2020 là 141,29 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 174,07 ha, chiếm 4,49 % đất phát triển hạ tầng, tăng 32,78 ha so với năm 2020. Diện tích tăng chủ yếu do chuyển tiếp trong quy hoạch được duyệt và bổ sung các công trình, dự án: Kênh cấp 2 nội đồng hồ Gia Măng, hệ thống kênh hồ Gia Ui 2, hệ thống kênh hoát nước tại xã Xuân Tâm ...

- Đất xây dựng cơ sở văn hóa

Hiện trạng năm 2020 là 15,09 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 21,37 ha, chiếm 0,55% đất phát triển hạ tầng, tăng 6,28 ha so với năm 2020. Diện tích tăng chủ yếu do xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thiết chế văn hóa cấp huyện, cấp cơ sở như: Công trình văn hoá (trong khu 103 ha) tại thị trấn Gia Ray,...

- Đất xây dựng cơ sở y tế

Hiện trạng năm 2020 là 7,51 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 20,59 ha, chiếm 0,53% đất phát triển hạ tầng, tăng 13,08 ha so với hiện trạng năm 2020. Diện tích đất cơ sở y tế tăng chủ yếu do bổ sung công trình bệnh viện Dã Chiến tại xã Suối Cao và trạm y tế tại xã Bảo Hòa.

- Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo

Hiện trạng năm 2020 là 80,26 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 120,96 ha, chiếm 3,12% đất phát triển hạ tầng, tăng 40,70 ha so với năm 2020, do xây dựng các dự án như: Trường học (đường cây Điệp), mở rộng trường MN Xuân Trường (ấp Trung Lương), ...

- Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao

Hiện trạng năm 2020 là 14,09 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 37,71 ha, chiếm 0,97% đất phát triển hạ tầng, tăng 23,62 ha so với năm 2020. Diện tích tăng do chuyển tiếp trong quy hoạch được duyệt và bổ sung các công trình thể thao như: Khu liên hợp thể thao, các sân bóng đá tại các xã, ...

- Đất công trình năng lượng

Hiện trạng năm 2020 là 8,15 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 40,49 ha, chiếm 1,05% đất phát triển hạ tầng, tăng 32,34 ha so với năm 2020. Diện tích tăng do chuyển tiếp trong quy hoạch được duyệt và bổ sung các công trình thể thao như: Trạm 500kV Đồng nai 2 và đường dây 500 kV, trạm 220kV Long Khánh và đường dây đầu nối, ...

- Đất công trình bưu chính, viễn thông

Hiện trạng năm 2020 là 1,81 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 1,73 ha, chiếm 0,04% đất phát triển hạ tầng, giảm 0,08 ha so với năm 2020, do quy hoạch công trình các tuyến đường giao thông như: đường tỉnh 765, đường tỉnh 766, đường Xuân Hưng – Xuân Tâm,

- Đất có di tích lịch sử - văn hóa

Hiện trạng năm 2020 là chưa có đất có di tích lịch sử - văn hóa, quy hoạch đến năm 2030 là 39,00 ha, chiếm 1,01% đất phát triển hạ tầng, tăng 39,00 ha so với năm 2020. Diện tích tăng do quy hoạch theo đúng chức năng đất có di tích lịch sử - văn hóa của các di tích trên địa bàn huyện gồm: Khu Di tích lịch sử Danh thắng núi Chứa Chan, khu di tích danh lam thắng cảnh hồ Núi Le, khu di tích rừng lá

- Đất bãi thải, xử lý chất thải

Hiện trạng năm 2020 là 32,71 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 89,40 ha và chiếm 2,31% đất phát triển hạ tầng, tăng 56,69 ha so năm 2020 để bố trí khu bãi thải, xử lý chất thải và các điểm trung chuyển rác, trên địa bàn huyện.

- Đất cơ sở tôn giáo

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, sẽ tiếp tục lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cơ sở tôn giáo hiện hữu đủ điều kiện; đồng thời bố trí quỹ đất cho các cơ sở tôn giáo hiện đang hoạt động hợp pháp và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật Đất đai.

Hiện trạng năm 2020 là 104,85 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 134,61 ha, tăng 29,76 ha so với năm 2020, chiếm 3,47 % đất phát triển hạ tầng. Dự kiến trong kỳ quy hoạch chuyển tiếp và bổ sung mới các cơ sở tôn giáo như: Tu viện Đa Minh Bảo Hoà, Cộng đoàn Bình Hoà, tu sở Nhà chúa Thái Xuân và chuyển tiếp thực hiện 53 cơ sở tôn giáo được duyệt và bố trí quỹ đất dự phòng 18,3 ha không xác định trên bản đồ.

- Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng

Hiện trạng năm 2020 là 113,67 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 119,76 ha, chiếm 3,09 % đất phát triển hạ tầng, tăng 6,11 ha so với năm 2020 do chuyển tiếp các khu nghĩa địa tập trung như: Nghĩa trang xã Xuân Hiệp, nghĩa trang xã Bảo Hoà.

- Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ

Hiện trạng năm 2020 chưa có xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ, quy hoạch đến năm 2030 là 0,02 ha, do chuyển tiếp các công trình giếng khoan nghiên cứu và giếng khoan nhiễm bẩn (TD1, TD3, TD4, TD7, TD8, TD9, TD13, TD14, TD21, TD22, TD23, TD28, NB-19AB; NB-22AB).

- Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội

Hiện trạng năm 2020 là 46,05 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 46,85 ha, chiếm 1,21% đất phát triển hạ tầng, tăng 0,80 ha so với năm 2020 do chuyển

tiếp công trình trong quy hoạch được duyệt và bổ sung mới các công trình: Mái âm tình thương nhân ái tại xã Xuân Thọ, cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập tại xã Xuân Phú và cơ sở bảo trợ cô nhi tại xã Xuân Tâm.

- Đất chợ

Hiện trạng năm 2020 là 5,95 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 5,99 ha, chiếm 0,15% đất phát triển hạ tầng, tăng 0,04 ha so với năm 2020. Đến năm 2030 sẽ chuyển tiếp 2 công trình: chợ Trảng Táo tại xã Xuân Tâm và chợ Thọ Lộc tại xã Xuân Thọ.

k) Đất sinh hoạt cộng đồng

Hiện trạng năm 2020 là 10,08 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 14,49 ha, tăng 4,41 ha so với năm 2020 và chiếm 0,08% đất phi nông nghiệp. Đất sinh hoạt cộng đồng tăng chủ yếu chuyển tiếp thực hiện các công trình quy hoạch được duyệt như: Các nhà văn hóa khu phố tại thị trấn Gia Ray và nhà văn hóa các ấp trên địa bàn các xã; ngoài ra, bổ sung các nhà văn hóa mới như: Nhà văn hóa ấp Bung Cắn, nhà văn hóa ấp Hòa Hợp, nhà văn hóa ấp Chiến Thắng, nhà văn hóa ấp Trung Hiếu, nhà Văn hóa khu phố 3, nhà văn hóa của đồng bào dân tộc Chơ Ro ấp 8.

l) Đất khu vui chơi, giải trí công cộng

Hiện trạng năm 2020 là 1,38 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 27,29 ha, tăng 25,91 ha so với năm 2020, do bố trí quỹ đất thực hiện các công trình khu công viên cây xanh kết hợp giải trí thiếu nhi, hồ bơi, ... tại các xã và thị trấn Gia Ray để đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí, hưởng thụ tinh thần ngày càng tốt hơn cho người dân.

m) Đất ở tại nông thôn

Hiện trạng năm 2020 là 1.804,79 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 3.438,59 ha, tăng 1.633,80 ha so với năm 2020, chiếm 17,37 % đất phi nông nghiệp. Diện tích tăng do bố trí các khu đất tạo vốn trên các tuyến đường giao thông trọng điểm (đường tỉnh 772 Trảng Bom - Xuân Lộc, đường tỉnh 773 Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), khu tái định cư, bố trí đất ở trong các khu, điểm dân cư nông thôn đã được phê duyệt và bố trí đất ở phát sinh phục vụ nhu cầu của nhân dân tại khu vực nông thôn.

n) Đất ở tại đô thị

Hiện trạng năm 2020 là 139,81ha, quy hoạch đến năm 2030 là 310,18 ha chiếm 1,57% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 170,37 ha so với năm 2020 Diện tích tăng do chuyển tiếp và bổ sung quy hoạch các dự án: Khu tái định cư đường Cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết, dự án khu dân cư 2 bên đường Lê Duẩn - Nguyễn Văn Cừ, khu dân cư của Công ty Phương Anh Sài Gòn, khu đất dự án khu vực hồ Núi Le và bố trí đất ở phát sinh phục vụ nhu cầu của nhân dân khu vực thị trấn.

o) Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Hiện trạng năm 2020 là 14,60 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 51,31 ha, tăng 36,71 ha so với năm 2020, chiếm 0,26% đất phi nông nghiệp. Diện tích tăng do chuyển tiếp các trụ sở, văn phòng làm việc của các ban ngành như: Khu hành chính xã mới (xã Xuân Nam, Xuân Đà, Đoàn Kết, Trảng Táo), khu hành chính ấp Bằng Lăng tại xã Xuân Tâm, mở rộng trụ sở UBND xã Xuân Thọ.

p) Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp

Hiện trạng năm 2020 là 7,95 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 9,57 ha, tăng 1,62 ha so với năm 2020, do chuyển tiếp các công trình trong quy hoạch được duyệt và bổ sung các công trình của tổ chức sự nghiệp như: Nhà quản lý hồ Núi Le, ngân hàng chính sách, đài truyền thanh tại thị trấn Gia Ray.

q) Đất cơ sở tín ngưỡng

Hiện trạng năm 2020 là 3,00 ha, đến năm 2030 giữ ổn định diện tích đất cơ sở tín ngưỡng này, gồm các miếu, am, từ đường, nhà thờ trên địa bàn huyện.

r) Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

Hiện trạng năm 2020 là 785,28 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 752,09 ha, giảm 33,19 ha so với năm 2020. Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm do: đất mặt nước chuyên dùng, khu công nghiệp 12,05 ha, đất quốc phòng 0,44 ha.

s) Đất có mặt nước chuyên dùng

Hiện trạng năm 2020 là 543,55 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 1.253,79 ha, chiếm 6,33% đất phi nông nghiệp, tăng 710,24 ha so với năm 2020. Diện tích tăng do chuyển tiếp các công trình quy hoạch được duyệt như: Hồ Da Kon Hoi, hồ Xuân Phú, hồ Gia Ui 2, hồ Đăkriê,... và bổ sung các hồ mới như: Hồ Đakie, hồ Núi Hók, hồ Gia Ray.

*** Đất đô thị**

Đến năm 2030, diện tích đất đô thị trên địa bàn huyện là 1.394,80 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2020.

(Kèm theo báo cáo này là danh mục các công trình, dự án quy hoạch đến năm 2030).

Trên đây là Báo cáo tóm tắt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Xuân Lộc./.
